

## XÁC ĐỊNH PHONG CÁCH NGÔN NGỮ BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG

TS VŨ THỊ SAO CHI

**Abstract:** Based on the prototype theory and quantitative methods in linguistics, the present paper suggests a way to identify language styles by quantitative methods. Some mathematical formulas have been used to measure the density of linguistic means in a prototypical document and the correlation between the linguistic means and the prototypical document and linguistic means of any compared document. The density measures of linguistic means in a prototypical document will highlight the most distinctive and typical linguistic means of a style. This is the prerequisite for constructing standards for each linguistic styles. The correlations between the linguistic means of the prototypical document and the linguistic means of the compared document are used to assess whether or not the compared document belongs to the same style of the prototypical document.

We consider this a trial in an attempt to contribute a new approach to study linguistic style - the quantitative stylistics.

**Key words:** *language style, quantitative stylistics*

0. Như đã phân tích ở bài viết [17], bức tranh hoạt động ngôn ngữ ngày càng phong phú, đa dạng, vì thế việc phân loại, xác định các phong cách ngôn ngữ cũng trở nên khó khăn, phức tạp hơn. Có thể nhận thấy dường như sự phân loại và miêu tả các *phong cách chức năng ngôn ngữ* của Việt ngữ học hiện thời chưa phản ánh, bao quát hết được hoạt động đa dạng, phức tạp của ngôn ngữ trong giao tiếp, chẳng hạn, các trường hợp phá cách, trường hợp trung gian giữa các phong cách... Trên thực tế, nhiều văn bản (văn bản được hiểu gồm cả dạng nói và dạng viết) rất khó xác định thuộc phong cách này hay phong cách khác. Hoặc nhiều văn bản được xếp vào một phong cách nhất định nhưng chưa chắc đã mang đầy đủ những đặc trưng cơ bản của phong cách ấy. Vận dụng lí thuyết điển

mẫu và phương pháp định lượng, trong bài viết này chúng tôi thử đề xuất một cách xác định phong cách ngôn ngữ.

1. Lí thuyết điển mẫu hay điển dạng phát triển vào giữa thế kỉ trước đã cải thiện đáng kể cách nhìn về sự phân loại và sắp xếp các thành viên trong một loại nhất định. Chống lại quan niệm phân loại truyền thống xuất phát từ thời Aristotle: ranh giới giữa các lớp / loại rất rạch ròi, rõ ràng và mỗi thành viên của một lớp / loại đều có đầy đủ (ở mức độ ngang nhau) những thuộc tính của lớp / loại [4, 116], lí thuyết điển mẫu cho rằng, trong một nhóm (loại), một số thành viên được xem là điển hình hơn những thành viên khác do chúng có đầy đủ tính chất của nhóm (loại) và đó là những điển mẫu của nhóm (loại). Điều đó cũng có nghĩa là, các thành viên trong

một nhóm có khi không có cùng một số tính chất. Bên cạnh thành viên được coi là điển mẫu (là "thí dụ tốt") thì có thể có thành viên chỉ mang một số ít các đặc điểm chung của nhóm, mà các đặc điểm này có thể cũng tồn tại ở các nhóm khác, đó được coi là thành viên không điển hình (là "thí dụ tồi") của nhóm. Hiện trạng này kéo theo sự hình thành các vùng "tâm" - "biên" của nhóm và ranh giới giữa các nhóm không phải bao giờ cũng rõ ràng mà có thể có những vùng chồng lấn lên nhau [4,116-117]; [8, 6]; [11, 37].

Tình hình phân loại phong cách ngôn ngữ cũng tương tự như vậy, nghĩa là sự phân chia phong cách ngôn ngữ (được chúng tôi bàn luận trong bài viết [17]) cũng chỉ là tương đối, có thể có những trường hợp trung gian giữa các phong cách ngôn ngữ. Chẳng hạn, *lời diễn giảng trước hội nghị* có thể vừa có tính khẩu ngữ (sử dụng những yếu tố đệm, dư thừa, hiện tượng tỉnh lược, trợ từ tình thái,... và có sự tham gia của các yếu tố cận ngôn) vừa có tính bút ngữ (trình bày vấn đề theo đề cương lập sẵn, chặt chẽ, logic, ngôn ngữ mang tính gọt giũa, chọn lọc, từ ngữ chủ yếu mang tính chất sách vở,...); hay *thơ văn xuôi* vừa mang đặc điểm của ngôn ngữ thơ vừa mang đặc điểm của ngôn ngữ văn xuôi,... Do vậy, trong tập hợp các văn bản thuộc một phong cách cũng sẽ có văn bản điển hình và văn bản không điển hình của phong cách đó. Điều kiện xác định phong cách của một văn bản nhiều khi không chỉ phụ thuộc vào đặc điểm của các phương tiện biểu đạt trong văn bản đó mà còn phụ thuộc vào mức độ gần gũi với văn bản điển mẫu của phong cách được xác định. Vì thế, việc phân tích văn bản điển mẫu của mỗi phong cách có một ý nghĩa hết sức quan trọng, nó cho phép chúng ta hình dung được

cụ thể gương mặt của mỗi phong cách (chứ không phải là những đặc điểm được nhìn nhận một cách cảm tính, chung chung).

Phương pháp thống kê, hay còn gọi là phương pháp định lượng trong mối quan hệ với phương pháp định tính hay định chất, đã được áp dụng rất phổ biến trong ngôn ngữ học, nhất là vào những thập kỉ gần đây. Như đã biết, các hiện tượng ngôn ngữ không chỉ có những đặc trưng về chất mà còn có cả đặc trưng về lượng. Trong nhiều trường hợp, những sự khác biệt về chất của các cấu trúc ngôn ngữ chỉ có thể giải thích được bằng những sự khác biệt về lượng. Đồng thời, chất của ngôn ngữ nói chung phụ thuộc nhiều vào những tương quan về lượng của các yếu tố nhất định. Do đó, những đánh giá về lượng đã nhiều lần được sử dụng khi nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ khác nhau. Công việc này cũng không phải là mới mẻ đối với ngôn ngữ học. Thậm chí có nhà nghiên cứu còn cho rằng "việc sử dụng tự phát các phương pháp thống kê thực chất đã được bắt đầu ngay từ khi ngôn ngữ học mới ra đời" [26, 94] (Dẫn theo [7, 77]). Trên thực tế, phương pháp thống kê đã được áp dụng rất hiệu quả trong các lĩnh vực khác nhau của ngôn ngữ học: để giải quyết những vấn đề ngôn ngữ học lịch sử, nghiên cứu vốn từ của một tác giả hoặc tác phẩm, xây dựng từ điển tần số, hoặc tính hệ số tương quan tư duy ngôn ngữ giữa các dân tộc, v.v... Trong nghiên cứu về loại hình ngôn ngữ có cả một khuynh hướng *Loại hình học định lượng* (xem [5], [6], [7]). Và chúng tôi cũng thấy rằng, hoàn toàn có thể vận dụng phương pháp định lượng vào địa hạt phong cách học. Sự vận dụng này dựa trên tư tưởng triết học

quan trọng trong phương pháp luận nghiên cứu khoa học: "Nếu các đối tượng của phạm vi thực tế A có đặc tính giống với những đặc tính của các đối tượng thuộc phạm vi B thì các định lý, quy luật đã tìm ra được cho các đối tượng ở phạm vi A có thể áp dụng được cho các đối tượng ở phạm vi B" [7, 78].

Đối với trường hợp đang xét, chúng tôi nhận thấy rằng, việc xác định các tiêu chí khu biệt hay là các đặc trưng cơ bản của mỗi phong cách sẽ trở nên rõ ràng khi ta định lượng được các phương tiện diễn đạt đặc thù trong văn bản điển mẫu của phong cách đó. Nói cách khác, định lượng văn bản điển mẫu của mỗi phong cách sẽ cho phép chúng ta lượng hóa được những đặc tính cốt yếu nhất của mỗi phong cách. Và do đó, bên cạnh các phương pháp khác của phong cách học truyền thống, phương pháp định lượng (với những thông số cụ thể, chính xác) cũng sẽ giúp cung cấp thêm một cơ sở khoa học quan trọng để xác định các phong cách ngôn ngữ.

2. Việc định lượng trước hết được thực hiện với sự tính toán chỉ số độ tập trung của các phương tiện ngôn ngữ ở văn bản điển mẫu, từ đó giúp lọc ra những phương tiện ngôn ngữ nổi trội, chuyên biệt, có tính "đánh dấu" phong cách ngôn ngữ mà nó thuộc vào. Mỗi một phương tiện chuyên biệt được xác định của phong cách có thể được quy thành mã phong cách hay được "dán nhãn" phong cách. Tập hợp các mã của một phong cách sẽ cho ta bộ tiêu chí về chuẩn của phong cách đó. Đây chính là cơ sở khoa học quan trọng để đánh giá mức độ đạt

chuẩn phong cách của văn bản được tạo lập. Ngoài ra, chỉ số độ tập trung của các phương tiện ngôn ngữ chuyên biệt của mỗi phong cách cũng sẽ là cơ sở khoa học giúp nhìn ra khoảng cách kề cận hay cách xa giữa các phong cách ngôn ngữ; hoặc giúp xác định một văn bản nào đó nằm ở vùng tâm hay biên của một phong cách nhất định, hay là trung gian giữa các phong cách.

Tuy nhiên, việc tính toán không hề đơn giản, nhất là khi số lượng và độ phong phú của các phương tiện diễn đạt trong một văn bản có thể khó được kiểm soát triệt để. Hơn nữa, theo như quan niệm đã đưa ra ở [16], phong cách ngôn ngữ chỉ được nhận diện qua kiểu / cách diễn đạt đặc thù, có tính khu biệt. Vì vậy, phương châm của chúng tôi là chọn lọc, xem xét những phương tiện diễn đạt cơ bản nhất tạo nên sự khu biệt phong cách, đó là: các lớp từ vựng - ngữ nghĩa và các kiểu cấu trúc ngữ pháp - ngữ nghĩa chuyên dụng; các biện pháp tu từ, cấu trúc lập luận, cách tổ chức văn bản (với văn bản ở dạng viết) hoặc tổ chức cặp thoại và triển khai chủ đề (với văn bản ở dạng nói). Những phương tiện ngôn ngữ không có giá trị đánh dấu phong cách sẽ không cần thiết phải tính toán định lượng, chẳng hạn: lớp từ đa phong cách (lớp từ có thể sử dụng trong mọi phong cách), các cấu trúc ngữ pháp - ngữ nghĩa thông dụng có thể dùng ở mọi phong cách...

Các chỉ số được tính toán cụ thể gồm:

- Chỉ số về độ tập trung của các lớp từ vựng - ngữ nghĩa: các lớp từ theo tính chất phạm vi hoạt động xã hội (thuật ngữ khoa học, từ ngữ hành

chính, từ ngữ chính trị, từ ngữ văn chương, khẩu ngữ,...); các lớp từ theo phạm vi địa lí (từ ngữ toàn dân - từ ngữ địa phương); các lớp từ theo sắc thái biểu cảm (từ ngữ biểu cảm - từ ngữ trung tính); các lớp từ theo hàm lượng nghĩa (từ ngữ đơn nghĩa - từ ngữ đa nghĩa); các lớp từ theo nguồn gốc (từ thuần Việt, từ Hán Việt, từ Ấn Âu).

- Chi số về độ tập trung của các kiểu cấu trúc ngữ pháp - ngữ nghĩa chuyên dụng (những cấu trúc điển hình của mỗi loại phong cách).

- Chi số về độ tập trung của các biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, điệp, đối...).

- Chi số về cách thức lập luận: lập luận đơn - lập luận phức, luận cứ khoa học - luận cứ topos (lẽ thường), kết luận (luận điểm) hiển minh - kết luận (luận điểm) hàm ẩn.

- Chi số về tổ chức văn bản, triển khai chủ đề (bố cục nội dung và hình thức trình bày) theo quy cách hay không theo quy cách.

Vận dụng một số công thức của ngôn ngữ học thống kê [6], chúng tôi xây dựng phép tính định lượng các phương tiện diễn đạt chuyên dụng trong văn bản điển mẫu và phép tính xác định mức độ gần gũi - khác biệt về phương tiện diễn đạt giữa văn bản được xét với văn bản điển mẫu của phong cách cần đối chiếu như sau:

**\* Công thức tính độ tập trung của các phương tiện ngôn ngữ**

$$K = \frac{f}{N}$$

N: Tổng số từ (hoặc cấu trúc), tức các phương tiện ngôn ngữ có giá trị khu biệt về phong cách vừa nêu trên đây của văn bản;

f: Số lần xuất hiện của một loại phương tiện ngôn ngữ nhất định trong văn bản;

K: Chi số độ tập trung của loại phương tiện ngôn ngữ có số lần xuất hiện f trong văn bản.

Trong công thức trên, nếu:

a)  $K = 1 \rightarrow$  Chi số độ tập trung tuyệt đối (loại phương tiện ngôn ngữ này chiếm toàn bộ văn bản).

b) K càng tiến gần tới 1  $\rightarrow$  Chi số độ tập trung càng cao (loại phương tiện ngôn ngữ này càng dày đặc trong văn bản).

c)  $K = 0 \rightarrow$  Loại phương tiện ngôn ngữ này không xuất hiện trong văn bản.

Phong cách ngôn ngữ được nhận diện qua những phương tiện ngôn ngữ đặc thù, chuyên biệt, nổi trội. Do vậy, các phương tiện ngôn ngữ giúp xác định phong cách của văn bản chính là các phương tiện ngôn ngữ đáp ứng một trong số những tiêu chí sau:

1) Có chi số độ tập trung tuyệt đối ( $K=1$ )

2) Có chi số độ tập trung cao (K tiến gần tới 1)

3) Có chi số độ tập trung cao nhất so với những phương tiện ngôn ngữ còn lại (xét trên cùng cấp độ) trong văn bản

4) Chỉ xuất hiện duy nhất trong kiểu loại mà văn bản đó thuộc vào

Ở tiêu chí thứ 4, phương tiện ngôn ngữ đáp ứng tiêu chí này là phương tiện ngôn ngữ đặc hữu của một phong cách, có thể xuất hiện ít, thậm chí chỉ một lần trong văn bản, nhưng lại là phương tiện ngôn ngữ luôn luôn có mặt trong tất cả các văn bản điển hình của phong cách này và không thấy hoặc hãn hữu xuất hiện ở những phong cách khác. Chúng tôi coi đây là phương tiện ngôn ngữ đặc chủng, mang nhãn duy nhất một phong cách. Và vì là phương tiện ngôn ngữ đặc chủng nên mặc dù có thể có chỉ số độ tập trung không cao ở trong văn bản nhưng vẫn có tính đại diện cao cho phong cách của văn bản đó.

**\* Công thức tính hệ số tương quan giữa hai danh sách các phương tiện ngôn ngữ của văn bản điển mẫu và văn bản so sánh**

$$\alpha = \frac{\sum |K_1 - K_2|}{n}$$

$\alpha$  : Hệ số tương quan giữa hai danh sách phương tiện ngôn ngữ

$n$  : Số lượng mục đối chiếu giữa hai danh sách phương tiện ngôn ngữ

$K_1$  : Chỉ số độ tập trung của một loại phương tiện ngôn ngữ nào đó trong danh sách các phương tiện ngôn ngữ của văn bản điển mẫu

$K_2$  : Chỉ số độ tập trung của chính loại phương tiện ngôn ngữ ấy trong danh sách các phương tiện ngôn ngữ của văn bản so sánh.

Trong công thức trên, nếu:

a)  $\alpha = 0$  → Hai danh sách phương tiện ngôn ngữ trùng nhau hoàn toàn. Điều đó có nghĩa là các phương tiện

ngôn ngữ của văn bản được so sánh có những đặc điểm hoàn toàn trùng với đặc điểm các phương tiện ngôn ngữ của văn bản điển mẫu.

b)  $\alpha = 1$  → Hai danh sách phương tiện ngôn ngữ không có gì tương ứng hay tương quan với nhau. Điều đó có nghĩa các phương tiện ngôn ngữ của văn bản được so sánh không có gì gần gũi với các phương tiện ngôn ngữ của văn bản điển mẫu.

c)  $\alpha$  càng tiến gần tới "0" → Hai danh sách càng tương quan với nhau nhiều hơn. Điều đó có nghĩa các phương tiện ngôn ngữ của văn bản được so sánh càng gần gũi với các phương tiện ngôn ngữ của văn bản điển mẫu.

d)  $\alpha$  càng tiến gần tới 1 → Hai danh sách càng không tương quan nhau, càng khác biệt nhau nhiều hơn. Điều đó có nghĩa các phương tiện ngôn ngữ của văn bản được so sánh càng không gần gũi, càng khác biệt với các phương tiện ngôn ngữ của văn bản điển mẫu.

Do giới hạn của một bài viết, sau đây chúng tôi xin trình bày một sự thể nghiệm nhỏ với hai văn bản của Hồ Chí Minh: *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (ngày 19/12/1946, in trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập IV, tr.1014-1015, Nxb Chính trị Quốc gia, xuất bản lần thứ hai, H., 2000) và *Chúc năm mới* (năm Đinh Hợi 1947, in trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập V, tr.17, Nxb Chính trị Quốc gia, xuất bản lần thứ hai, H., 2000).

Về ngữ trường, cả hai văn bản trên đều được soạn thảo trước, tức có khởi điểm ở *dạng viết* (rồi sau đó được đọc / phát trên các phương tiện truyền thanh - truyền hình và đăng tải trên báo chí). Phạm vi giao tiếp

của hai văn bản đều thuộc lĩnh vực hoạt động đấu tranh chính trị - xã hội, trong những thời khắc trọng đại của lịch sử dân tộc, Hồ Chí Minh với cương vị (vai giao tiếp) là lãnh tụ của Đảng và Nhà nước đã phát động, cổ vũ toàn dân đứng lên kháng chiến bảo vệ độc lập, tự do dân tộc. Như vậy, hai văn bản đều thuộc *ngữ vực chính luận*. Tuy nhiên về mục đích cụ thể thì có những khác biệt nhất định, một được viết với mục đích *kêu gọi* (*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*), một được

viết với mục đích "*vừa là kêu gọi vừa là mừng xuân*" (*Chúc năm mới*), do vậy Bác đã có những lựa chọn thể loại khôn khéo, thích hợp cho mỗi văn bản, đó là: *văn xuôi* (*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*) và *thơ* (*Chúc năm mới*). Dưới đây là bảng định lượng các phương tiện biểu đạt trong hai văn bản để từ đó xác định được phong cách ngôn ngữ của chúng.

1) *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*

Độ tập trung của các lớp từ vựng - ngữ nghĩa (N được tính bằng từ)

Lớp từ vựng - ngữ nghĩa		f / N	Chỉ số K
Theo tính chất hoạt động xã hội	chính trị	45 / 147	0,31
	khẩu ngữ	2 / 147	0,01
	văn chương	0 / 147	0,0
	lĩnh vực, ngành nghề khác	0 / 147	0,0
Theo sắc thái biểu cảm	trung tính	108 / 147	0,73
	biểu cảm	39 / 147	0,27
Theo phạm vi địa lí	toàn dân	147 / 147	1,0
	địa phương	0 / 147	0,0
Theo hàm lượng nghĩa	đơn nghĩa	143 / 147	0,97
	đa nghĩa	4 / 147	0,03
Theo nguồn gốc	thuần Việt	103 / 147	0,7
	Hán Việt	44 / 147	0,3
	Ân Âu	0 / 147	0,0

Độ tập trung của các kiểu cấu trúc ngữ pháp - ngữ nghĩa chuyên dụng (N được tính bằng câu)

Loại cấu trúc	f / N	Chỉ số K
Mệnh lệnh (cấu trúc chuyên dụng của văn bản kêu gọi)	6 / 17	0,4
Hô gọi: " <i>Hỡi + đối tượng hô gọi</i> " (cấu trúc đặc trưng mở đầu văn bản kêu gọi)	3 / 17	0,2
Khẩu hiệu: " <i>Đối tượng cổ động + muốn năm/ bắt diệt/...</i> " (cấu trúc đặc trưng kết thúc văn bản kêu gọi)	2 / 17	0,1

Độ tập trung của các biện pháp tu từ (N được tính bằng câu)

Biện pháp tu từ	f / N	Chỉ số K
Phép điệp	10 / 17	0,6
Phép đối	7 / 17	0,4
Phép ẩn dụ	3 / 17	0,2

Cách thức lập luận (N được tính bằng cấu trúc lập luận)

Cách thức lập luận	f / N	Chỉ số K
Lập luận đơn	5 / 7	0,7
Lập luận phức	2 / 7	0,3
Luận cứ khoa học	1 / 7	0,14
Luận cứ lẽ thường (topos)	6 / 7	0,86
Kết luận hiển minh	7 / 7	1,0
Kết luận hàm ẩn	0 / 7	0,0

Tính tổ chức văn bản ( $\pm$  quy cách)

Bài kêu gọi	$\pm$ Quy cách			
	Nội dung	Chỉ số K	Hình thức trình bày	Chỉ số K
Phần mở đầu	+	1,0	+	1,0
Phần khai triển	+	1,0	-	0,0
Phần kết thúc	+	1,0	+	1,0
Tổng thể		1,0		0,66

Kết quả định lượng cho phép đánh giá về đặc điểm sử dụng các phương tiện biểu đạt trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* như sau:

Về từ vựng - ngữ nghĩa, ngoài lớp từ ngữ đa phong cách, lớp từ ngữ có độ tập trung cao nhất trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, xét theo tính chất hoạt động xã hội, là lớp từ ngữ chính trị (thí dụ: *hòa bình, kháng chiến, tôn giáo, đảng, phái, dân tộc, độc lập, thống nhất...*), có thể coi đây là lớp từ ngữ đánh dấu phong cách của văn bản - *phong cách ngôn ngữ chính luận*. Các lớp từ khẩu ngữ, văn chương chiếm một lượng nhỏ không đáng kể, nhưng đều là các từ được chọn lọc, được sử dụng có chủ ý để mang lại tính gợi hình, biểu cảm mạnh mẽ. Trong văn bản không có từ địa phương, thô ngữ, biệt ngữ, tiếng lóng, từ thông tục.

Về cấu trúc ngữ pháp - ngữ nghĩa, trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng*

*chiến* có sử dụng các cấu trúc chuyên dụng, đặc trưng mang tính đánh dấu của *thể loại kêu gọi* như: cấu trúc mệnh lệnh (chỉ số tập trung là 0,4); cấu trúc hô gọi "Hỡi + đối tượng hô gọi!" mở đầu văn bản và có thể được lặp lại trong văn bản; cấu trúc khẩu hiệu "Đối tượng cổ động + *muôn năm/ bất diệt/...!*" kết thúc văn bản.

Về biện pháp tu từ, các biện pháp điệp, đối có độ tập trung cao (điệp: 0,6; đối: 0,4) góp phần tạo ra một âm hưởng sôi nổi, mạnh mẽ, hào hùng rất phù hợp với giọng điệu của thể văn chính luận.

Về cách thức lập luận, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* là văn bản có tính lập luận chặt chẽ, nổi bật, thể hiện ở chỗ toàn văn bản là một lập luận phức trong đó lại chứa nhiều lập luận nhỏ, chủ yếu là lập luận đơn (chỉ số tập trung 0,7). Tất cả các luận điểm, kết luận đều hiển minh (chỉ số tập trung tuyệt đối 1,0) giúp cho việc bộc lộ thái độ, quan điểm chính trị trở nên công khai, hết sức rõ ràng. Có thể

nói, tính luận điểm công khai cũng là một đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ chính luận.

Về tổ chức văn bản, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* có bố cục văn bản theo quy cách của một bài *kêu gọi* (chỉ số tập trung tuyệt đối 1,0), được đánh dấu với ba phần: Phần mở đầu là lời hô gọi (*Hỡi đồng bào toàn quốc!*); Phần khai triển nêu tình thế nguy nan (thực dân Pháp phá bỏ hiệp ước, lần nữa quay trở lại xâm lược nước ta) và lời hiệu triệu (hiệu triệu toàn quốc đứng lên kháng chiến); Phần kết thúc là khẩu hiệu cổ động tinh thần cách mạng, kháng chiến (*Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm! Kháng chiến thắng lợi muôn năm!*).

Từ các kết quả định lượng trên có thể xác định, *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* thuộc phong cách *bút ngữ > ngôn ngữ chính luận > ngôn ngữ kêu gọi*. Và với các tiêu chí mà văn bản này đạt được: 1) Lớp từ ngữ chính trị có độ tập trung cao nhất (trong số các lớp từ ngữ xét theo tính

chất hoạt động xã hội); Kết luận / luận điểm hiển minh chiếm tuyệt đối; 3) Các cấu trúc chuyên dụng, đặc chủng (mệnh lệnh, hô gọi, khẩu hiệu cổ động) xuất hiện ở những vị trí ấn định; 4) Tổ chức văn bản theo quy cách thể loại *kêu gọi*..., thì có thể xem đây là một văn bản điển mẫu của phong cách *ngôn ngữ chính luận > ngôn ngữ kêu gọi*.

## 2) Chúc năm mới

*Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,*

*Tiếng kèn kháng chiến vang dội non sông.*

*Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,*

*Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.*

*Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!*

*Sức ta đã mạnh, người ta đã đông.*

*Trường kì kháng chiến nhất định thắng lợi!*

*Thống nhất, độc lập nhất định thành công!*

Độ tập trung của các lớp từ vựng - ngữ nghĩa (N được tính bằng từ)

Lớp từ vựng - ngữ nghĩa		f / N	Chỉ số K
Theo tính chất hoạt động xã hội	chính trị	24 / 47	0,5
	văn chương	2 / 47	0,04
	khẩu ngữ	0 / 47	0,0
	ngành nghề khác	0 / 47	0,0
Theo sắc thái biểu cảm	trung tính	35 / 47	0,74
	biểu cảm	12 / 47	0,26
Theo phạm vi địa lí	toàn dân	47 / 47	1,0
	địa phương	0 / 47	0,0
Theo hàm lượng nghĩa	đơn nghĩa	38 / 47	0,8
	đa nghĩa	9 / 47	0,2
Theo nguồn gốc	thuần Việt	24 / 47	0,5
	Hán Việt	23 / 47	0,5
	Án Âu	0 / 47	0,0



Độ tập trung của các kiểu cấu trúc ngữ pháp - ngữ nghĩa chuyên dụng (N được tính bằng câu thơ)

Loại cấu trúc chuyên dụng	f / N	Chỉ số K
Cấu trúc "dòng thơ": mỗi dòng 8 tiếng, giữa các dòng có sự gieo vần, phối thanh, ngắt nhịp đều đặn, hài hòa	8 / 8	1,0
Cấu trúc "mệnh lệnh"	2 / 8	0,3
Cấu trúc "hô gọi"	0 / 8	0,0
Cấu trúc "khẩu hiệu"	2 / 8	0,3

Độ tập trung của các biện pháp tu từ (N được tính bằng câu thơ)

Biện pháp tu từ	f / N	Chỉ số K
Phép điệp	3 / 8	0,4
Phép đối	7 / 8	0,9
Phép ẩn dụ	1 / 8	0,1
Phép hoán dụ	1 / 8	0,1

Cách thức lập luận (N được tính bằng cấu trúc lập luận)

Cách thức lập luận	f / N	Chỉ số K
Lập luận đơn	1 / 2	0,5
Lập luận phức	1 / 2	0,5
Luận cứ khoa học	0 / 2	0,0
Luận cứ lẽ thường	2 / 2	1,0
Kết luận hiển minh	2 / 2	1
Kết luận hàm ẩn	0 / 2	0

Tính tổ chức văn bản ( $\pm$  quy cách)

Thể <i>Thất ngôn bát cú Đường luật phá cách</i>	$\pm$ Quy cách			
	Nội dung	Chỉ số K	Hình thức trình bày	Chỉ số K
<i>Khai</i>	+	1,0	+	1,0
<i>Thừa</i>	+	1,0	+	1,0
<i>Chuyển</i>	+	1,0	+	1,0
<i>Hợp</i>	+	1,0	+	1,0
Tổng thể	+	1,0	+	1,0

Bảng đối chiếu các phương tiện ngôn ngữ của *Chúc năm mới* và của *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (văn bản điển mẫu)

TT	Phương tiện ngôn ngữ	K <sub>1</sub>	K <sub>2</sub>	/K <sub>1</sub> - K <sub>2</sub> /
1	Từ chính trị	0,31	0,5	0,19
2	Từ văn chương	0,01	0,04	0,03
3	Từ khẩu ngữ	0,0	0,0	0,0

4	Từ trung tính	0,73	0,74	0,01
5	Từ biểu cảm	0,27	0,26	0,01
6	Từ toàn dân	1,0	1,0	0,0
7	Từ địa phương	0,0	0,0	0,0
8	Từ đơn nghĩa	0,97	0,8	0,17
9	Từ đa nghĩa	0,03	0,2	0,17
10	Từ thuần Việt	0,7	0,5	0,2
11	Từ Hán Việt	0,3	0,5	0,2
12	Từ Ấn Âu	0,0	0,0	0,0
13	Cấu trúc "mệnh lệnh"	0,4	0,3	0,1
14	Cấu trúc "hô gọi"	0,2	0,0	0,2
15	Cấu trúc "khẩu hiệu"	0,1	0,3	0,2
16	Cấu trúc "đồng thơ"	0,0	1,0	1,0
17	Phép điệp	0,6	0,4	0,2
17	Phép đối	0,4	0,9	0,5
19	Phép ẩn dụ	0,2	0,1	0,1
20	Phép hoán dụ	0,0	0,1	0,1
21	Lập luận đơn	0,7	0,5	0,2
22	Lập luận phức	0,3	0,5	0,2
23	Luận cứ khoa học	0,14	0,0	0,14
24	Luận cứ lẽ thường	0,86	1,0	0,14
25	Kết luận hiển minh	1,0	1,0	0,0
26	Kết luận hàm ẩn	0,0	0,0	0,0
27	Tổ chức bài <i>kêu gọi</i> (Mở đầu-Khai triển-Kết thúc)	1,0	0,0	1,0
28	Tổ chức bài thơ <i>Bát cú Đường luật</i> (Khai-Thừa-Chuyển-Hợp)	0,0	1,0	1,0
	Tổng cộng /K1-K2/			6,06

Hệ số tương quan giữa hai danh sách phương tiện diễn đạt của *Chúc năm mới* và của *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (văn bản điển mẫu):

$$\alpha = \frac{6,06}{28} = 0,2$$

Hệ số tương quan 0,2 đã cho thấy ngôn ngữ của hai văn bản *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* và *Chúc năm mới* có sự tương quan với nhau nhiều hơn là sự khác biệt. Bởi vì, như trên đã nêu, nếu  $\alpha = 1$  thì hai văn bản này không có quan hệ gì với nhau, nhưng ở đây hệ số tương quan tiến lệch về

0 ( $\alpha = 0,2$ ) nên hai văn bản này có quan hệ tương quan với nhau nhiều hơn. Từ đây có thể suy ra, tương tự như *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, văn bản *Chúc năm mới* mang nhiều đặc điểm của phong cách *ngôn ngữ chính luận* > *ngôn ngữ kêu gọi* tuy không phải là điển mẫu. Sự "phá cách" của *Chúc năm mới* chính là việc tổ chức văn bản dưới hình thức thơ ca, khiến cho nó vừa mang đặc điểm của ngôn ngữ thơ ca vừa mang đặc điểm của ngôn ngữ chính luận, và do đó trở thành một hiện tượng trung gian giữa phong cách ngôn ngữ thơ ca và phong cách ngôn ngữ chính luận. Tuy

nhiên, từ chỉ số tương quan với văn bản điển mẫu của phong cách ngôn ngữ chính luận là 0,2 thì có thể khẳng định, *Chúc năm mới* nghiêng hơn về phong cách ngôn ngữ chính luận.

Trong trước tác của Hồ Chí Minh, có rất nhiều bài thơ được viết ra vì mục đích tuyên truyền, kêu gọi và động viên quần chúng hướng về công cuộc đấu tranh cách mạng đã đạt tới mức độ cao của phong cách ngôn ngữ chính luận. Thực ra đó chính là những văn bản chính luận được Bác viết dưới hình thức thơ ca, mang vần điệu của thơ ca do chiến lược tuyên truyền "làm cho quần chúng dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện". Cho nên cũng có thể xem đó là những bài văn vần chính luận. Chức năng phong cách của chúng cũng đã được Người nói rõ trong một bài chúc tết: *Mây câu thành thật nô nức / Vừa là kêu gọi, vừa là mừng xuân* (Hồ Chí Minh, *Thơ chúc tết*, 1952). Và qua kết quả định lượng, có thể nói *Chúc năm mới* chính là một **bài văn vần chính luận** như thế.

Nếu chúng ta tiến hành thống kê theo cách tương tự như trên một văn bản bất kì khác (kí hiệu là X) để so sánh với văn bản *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* - được coi là văn bản điển mẫu (kí hiệu Đ) mà thu được chỉ số  $\alpha > 0,2$  thì so với văn bản *Chúc năm mới*, X xa Đ hơn; ngược lại, nếu thu được chỉ số  $\alpha < 0,2$  thì X gần Đ hơn về phương diện phong cách ngôn ngữ chính luận.

3. Tóm lại, trên tinh thần của lí thuyết điển mẫu và phương pháp làm việc của ngôn ngữ học thống kê, chúng tôi đề xuất cách xác định phong cách ngôn ngữ bằng phương pháp định lượng. Một số công thức tính toán của ngôn ngữ học thống kê được chúng tôi vận dụng để xây dựng phép tính

chỉ số độ tập trung của các phương tiện ngôn ngữ trong văn bản điển mẫu và phép tính hệ số tương quan giữa hai danh sách phương tiện điển đạt của văn bản điển mẫu và của văn bản được so sánh. Việc tính toán chỉ số độ tập trung của các phương tiện ngôn ngữ trong văn bản điển mẫu sẽ giúp lọc ra những phương tiện ngôn ngữ nổi trội, chuyên biệt, có tính "đánh dấu" phong cách ngôn ngữ mà nó thuộc vào. Đây sẽ là bước tiền đề để tiến tới việc xây dựng bộ tiêu chí về chuẩn của mỗi phong cách ngôn ngữ. Còn việc tính toán hệ số tương quan giữa hai danh sách phương tiện điển đạt của văn bản điển mẫu và của văn bản được so sánh là để có cơ sở xem xét, đánh giá mức độ gần gũi hay khác biệt của văn bản so sánh với văn bản điển mẫu của một phong cách ngôn ngữ nhất định, từ đó giúp xác định văn bản so sánh đó có cùng thuộc về phong cách của văn bản điển mẫu hay không, và nếu có thì nó nằm ở vùng nào, tâm hay biên của phong cách này.

Chúng tôi xem đây là những thử nghiệm bước đầu với mong muốn góp thêm một hướng đi trong nghiên cứu phong cách học - hướng nghiên cứu *phong cách học định lượng*.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Cù Đình Tú, *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb ĐH & THCN, H., 1983; Nxb GD, H., 2001.

2. Đình Trọng Lạc (chủ biên), Nguyễn Thái Hòa, *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb GD, Tái bản lần thứ 6, H., 2002.

3. Hữu Đạt, *Phong cách học tiếng Việt hiện đại*, Nxb GD Việt Nam, H., 2011.

4. John Lyons, *Ngữ nghĩa học dẫn luận*, Nxb GD, H., 2009.
5. N.V. Xtankêvích, *Loại hình các ngôn ngữ*, Nxb ĐH&THCN, H., 1982.
6. Nguyễn Đức Dân, *Ngôn ngữ học thống kê*, Nxb ĐH&THCN, H., 1984.
7. Nguyễn Đức Tồn, *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb Từ điển bách khoa, H., 2010.
8. Nguyễn Đức Tồn, *Một số vấn đề nghiên cứu, xây dựng và chuẩn hóa thuật ngữ tiếng Việt trong thời kì hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay*, T/c Ngôn ngữ, Số 1, 2011.
9. Nguyễn Hòa, *Phân tích điển ngôn: Một số vấn đề lí luận và phương pháp*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2003.
10. Nguyễn Như Ý (chủ biên), Hà Quang Năng, Đỗ Việt Hùng, Đặng Ngọc Lê, *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb GD, H., 1996.
11. Nguyễn Tất Thắng, *Lí thuyết điển mẫu và nhóm động từ ngoại động*, T/c Ngôn ngữ, Số 7, 2009.
12. Nguyễn Thái Hòa, *Từ điển tu từ - phong cách - thi pháp học*, Nxb GD, H., 2006.
13. Nguyễn Thiện Giáp, *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb ĐH&THCN, H., 1985.
14. Nguyễn Văn Khang, *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb GD VN, H., 2012.
15. Nguyễn Văn Tu, *Từ vựng học tiếng Việt hiện đại*, Nxb GD, H., 1968.
16. Vũ Thị Sao Chi, *Về khái niệm "phong cách ngôn ngữ"*, T/c Ngôn ngữ, Số 4, 2014.
17. Vũ Thị Sao Chi, *Về sự phân loại phong cách ngôn ngữ*, T/c Ngôn ngữ, Số 5, 2014.  
Tiếng Anh
18. Erik Nils Enkvist, *Linguistic stylistics*, The Hague, Mouton, 1973.
19. Galperin Ilya Romanovich, *Stylistics of the English Language: A Textbook // English Stylistics*, Knizhnyy dom "LIBROKOM", 2010.
20. J. Middleton Murry, *The Problem of Style*, London Press, London, 1991.
21. Katie Wales, *A Dictionary of stylistics courseSmart eTextbook*, Pearson Higher Education, 2012.
22. M. A. K. Halliday & R. Hassan, *Cohesion in English*, Longman, London, 1976.
23. M. Riffaterre, "The Stylistic Function", *Proceedings of the 9th International Congress of Linguists*, The Hague, 1964.
24. Seymour Chatman, "Stylistics: Quantitative & Qualitative", *Style*, vol.1(1), 1967.
25. V. K. Bhatia, *Analysing Genre, language Use in Professional Settings*, Longman, London and York, 1992.  
Tiếng Nga
26. Н.С.Можейко, *Статистические методы исследования лексики*, Частотные словари // Методы изучения лексики. Минск, Изд-во БГУ, 1975.